

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28 – 7 – 2022  
“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Đoàn Thị Hoa  
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2022/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299 /2022/QĐXXS-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 72/26 đường HHT, phường QP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Lê Nguyên T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 72/26 đường HHT, phường QP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn Võ Thị N, bị đơn ông Lê Nguyên T đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị N trình bày: Chị N và anh Lê Nguyên T tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Tuy chi N và anh T cùng chung sống một nhà, nhưng đã sống ly thân gần 01 năm nay, phần ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Hiện tại, chi N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Nguyên T.

Về con chung: Chị Võ Thị N khai có 02 con chung tên Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 và Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu anh Lê Nguyên T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả 02 con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai ngày 14/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Nguyên T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Anh T xác định vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống thì không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sống không có hạnh phúc. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 và giao con chung tên Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020 cho chị N nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị N và anh Lê Nguyên T ly hôn;

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 và Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Nguyên T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho

cả 02 con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Võ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với bị đơn Lê Nguyên T. Trong vụ án này, bị đơn là anh Lê Nguyên T có địa chỉ nơi cư trú tại: Số 72/26 đường Hoàng Hoa Thám, tổ 7, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Hôn nhân giữa nguyên đơn Võ Thị N với bị đơn Lê Nguyên T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T đã tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ chồng không hợp tính nhau nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, sống không có hạnh phúc. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài hơn được nữa. Vì vậy, chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 và Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Võ Thị N và anh Lê Nguyên T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị N đều có công việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo khả năng nuôi con. Tuy nhiên, việc giải quyết về yêu cầu nuôi con cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển một cách toàn diện cả về thể chất, lẫn tinh thần cho các con chứ không chỉ căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng của cha, mẹ. Trong đó, cháu Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020 hiện vẫn còn chưa đủ 36 tháng tuổi; cháu Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 tuy đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn rất nhỏ và cả hai con đều là nữ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra, xét thấy không nên vì việc ly hôn mà tách rời chị em, buộc cả hai phải sống xa rời cả cha, mẹ, chị, em nên cần giao cả hai con cho chị Võ Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị N không đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T đều khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh T đều khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí:

- Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001959, ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Anh Lê Nguyên T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Thị N. Chị Võ Thị N được ly hôn anh Lê Nguyên T.

**2.** Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con:

- Giao 02 con chung là Lê Ngọc Nguyên T, sinh ngày 28/12/2018 và Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 18/5/2020 cho chị Võ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Nguyên T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả 02 con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Anh Lê Nguyên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:**

- Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Tuệ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001959, ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Anh Lê Nguyên T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Hòa**